

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 17/11/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PPD	7:25	22	0		22	0	
2		TD2+TD5	7:25	22+0	0+0		18+4	0+0	
3		TD2+P7+P4	9:25	7+2+13	0+0+0		2+0+20	0+0+0	
4		RP3+RC4+RP1	9:25	21+0+1	0+0+0		20+0+1	0+0+0	CHUYEN 1 RC4- RP1
5		P2+P5+P4	11:25	6+9+6	0+0+0		5+3+6	0+0+0	CHUYEN 2 P2- P4
6		P11+PPD	11:25	17+5	0+0		13+8	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ ĐI VỀ TRONG NGÀY ppd-4NG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: PPD	CREW: VTHẮNG - M.ĐỨC - VŨ	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM25/4542	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN PHƯƠNG NHIÊN	PPD						56	VTV	Vietnamese
2	TRIỆU VĂN ĐO	PPD	18-19	2	10			67	VTV	Vietnamese
3	LÊ VĂN MÓN	PPD	20	1	5			68	VTV	Vietnamese
4	LÊ VĂN LONG	PPD	18	1	6			74	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN NGUYỄN TẤN TÀI	PPD	17	1	6			84	KHI	Vietnamese
6	TU NGỌC HẢI	PPD	10	1	5	3	25	77	KHI	Vietnamese
7	VŨ THANH BÌNH	PPD	03	1	3			81	KHI	Vietnamese
8	HUYNH TẤN THÀNH	PPD	06-07	2	10	3	50	69	KHI	Vietnamese
9	ĐẶNG HỒNG QUÂN	PPD	15	1	4			73	KHI	Vietnamese
10	PHẠM ĐỨC TOÀN LỘC	PPD	04	1	3			84	KHI	Vietnamese
11	VŨ QUANG ĐẠT	PPD	12	1	5			55	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN VINH	PPD	16	1	4			71	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN MINH KHOAN	PPD	01-02	2	11			86	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN VIỆT ĐẠI	PPD	23	1	3			73	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN TIẾN QUANG	PPD	21-22	2	11			67	KHI	Vietnamese
16	CAO NAM QUY	PPD	13	1	4			69	KHI	Vietnamese
17	TRẦN NGỌC LINH	PPD	11	1	3			68	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN NINH	PPD	24-25	2	11			68	YTE	Vietnamese
19	HOÀNG ĐỨC LINH	PPD	08-09	2	11			63	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI NGOC DUNG	PPD						58	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐÀO VIỆT HÙNG	PPD	05	1	9			64	KHI	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN CHIÊN	PPD	14	1	4			56	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	22	1.531	26	128	6	75	22		
TOTAL		22	1.531	26	128	6	75	22		
WEIGHT KG			1.531		128		75			

GRAND TOAL: 1.734 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

NGÔ VĂN THẮNG
NGUYỄN MINH ĐỨC



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
B.CARD: CAM - 1	TO: TD2 - TD5	CREW: KHOAN - SON - THU	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM25/4545	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN XUAN HAI	TD2	17	1	2			88	KHOAN	Vietnamese
2	LE QUANG CUONG	TD2	04	1	3			78	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN THANH ANH	TD2	07	1	6			72	KHOAN	Vietnamese
4	LE ANH QUAN	TD2	14	1	4			73	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN CONG DUAN	TD2	27	1	5			57	PSV	Vietnamese
6	LE VIET CHIEN	TD2	12-13	2	8			72	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN SY HIEU	TD2	10	1	8			73	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN THANH QUANG	TD2	03	1	7			69	VIET PHAT	Vietnamese
9	NGO QUANG HUNG	TD2	15	1	17			78	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM THANH GIANG	TD2	11	1	5			73	KHOAN	Vietnamese
11	TO TUAN DUY	TD2	19	1	9			108	KHOAN	Vietnamese
12	TRINH DUY THANH	TD2	16	1	4			75	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN CONG HIEN	TD2	20	1	6			75	KHOAN	Vietnamese
14	TRAN QUANG HUNG	TD2	02	1	16			75	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN TIEN	TD2	300,01	2	15			92	KHOAN	Vietnamese
16	TONG VAN THE	TD2	22	1	12			82	SCHLUMBE	Vietnamese
17	RIM YUSUPOV	TD2	25-26	2	17			71	SCHLUMBE	Russian
18	SOMPORN ARDTAS	TD2	23-24	2	23			93	SCHLUMBE	Thailand
19	NGUYEN HONG QUAN	TD2	18	1	14			73	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYEN TOAN THANG	TD2	05-06	2	20	3	24	73	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYEN THANH DANH	TD2	08-09	2	12			55	CODIEN	Vietnamese
22	NGUYEN THANH TE	TD2	21	1	6			77	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	22	1.682	28	219	3	24	18		
2	TD5	0	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	1.682	28	219	3	24	22		
WEIGHT KG			1.682		219		24			

GRAND TOAL: 1.925 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ KIỀU THU

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN

PHẠM THÁI SƠN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: VANG-2	TO: TD2 - P7 - P4	CREW: VTHẮNG - M.ĐỨC - VŨ	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM25/4543	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ XUÂN HÀ	TD2	31	1	4	1	13	60	PSV	Vietnamese
2	ĐẬU VIỆT BÁC	TD2	35	1	4			77	PSV	Vietnamese
3	LÊ VĂN TÀI	TD2	34	1	6			75	PSV	Vietnamese
4	VÕ THANH NHẬT	TD2	86	1	5			77	PSV	Vietnamese
5	NGUYỄN TUẤN	TD2	33	1	4			66	PSV	Vietnamese
6	VƯƠNG ĐỨC HUY	TD2	32	1	15			97	PSV	Vietnamese
7	LO VĂN THƯƠNG	P7	72-73	2	8			82	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
8	NGUYỄN HOANG HOAN	P7	13-15	3	19			73	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
9	TRƯỜNG THANH GIÁP	P4	03	1	5	2	11	72	KHI	Vietnamese
10	LUƠNG THANH VŨ	P4	08	1	6			79	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN QUANG HÀ	P4						64	KHI	Vietnamese
12	TRẦN DUY KHƯƠNG	P4	06-07	2	13			89	KHI	Vietnamese
13	ĐỖ ĐỨC LONG	P4	02	1	3			59	KHI	Vietnamese
14	TRẦN VĂN PHÚC	P4	04-05	2	7			69	KHI	Vietnamese
15	TRỊNH XUÂN HUYỀN	P4	19	1	8	3	40	75	KHI	Vietnamese
16	ĐẶNG THÈ HUY	P4	09	1	8			94	KHI	Vietnamese
17	ĐÀO ĐỨC THIÊN	P4	15	1	15			72	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC TÙNG	P4	20-21	2	12			76	CODIEN	Vietnamese
19	LÊ VĂN NINH	P4	24	1	13			72	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYỄN NAM HOANG	P4	22-23	2	19			52	CODIEN	Vietnamese
21	LÊ HUY CHUÔNG	P4	01	1	9			54	KHI	Vietnamese
22	TRẦN ĐÌNH CHUÔNG	P4	10	1	5			62	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	6	452	6	38	1	13	2		
2	P7	2	155	5	27	0	0	0		
3	P4	14	989	17	123	5	51	20		
TOTAL		22	1.596	28	188	6	64	22		
WEIGHT KG			1.596		188		64			

GRAND TOTAL: 1.848 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

BÙI THỊ HIỀN LƯƠNG

CREW

NGÔ VĂN THẮNG
NGUYỄN MINH ĐỨC



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: RP3 - RC4 - RP1	CREW: KHOAN - SON - THU	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM25/4546	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN HO THIEN TAM	RP3	17	1	8			64	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN TRONG TUAN*	RP3						85	KHI	Vietnamese
3	LE DUC VIET	RP3	01	1	3			70	KHI	Vietnamese
4	HA VAN THUY	RP3	11-12	2	7			65	KHI	Vietnamese
5	BUI VAN PHU	RP3	02	1	2			72	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN HOANG NAM	RP3						87	KHI	Vietnamese
7	LE HOANG ANH	RP3	04	1	6			66	KHI	Vietnamese
8	DUONG HONG QUAN	RP3	03	1	8			70	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN TRUNG KIEN	RP3	09	1	5			69	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN QUOC CUONG	RP3	15	1	6			75	KHI	Vietnamese
11	LE HUU DAT	RP3	05-06	2	6			73	KHI	Vietnamese
12	VU NGOC CANH*	RP3	19-20	2	14	3	49	81	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYEN THANH TUNG	RP3	18	1	10	3	45	77	CODIEN	Vietnamese
14	PHAM VAN THIET	RP3	14	1	5			64	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN Q. BAO BINH	RP3						63	KHI	Vietnamese
16	TRINH QUANG HUY*	RP3	10	1	2			69	KHI	Vietnamese
17	LE XUAN HIEN*	RP3	13	1	4			75	KHI	Vietnamese
18	PHAM NGOC CHI	RP3	08	1	4			57	PSV	Vietnamese
19	DO NGOC QUI	RP3	07	1	6			52	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN VAN KIEN	RP3	16	1	7			63	PSV	Vietnamese
21	LE DUC THIEN*	RP3	21	1	7			61	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN DUY KHANH	RP1	98	1	6	2	25	89	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	21	1.458	21	110	6	94	20		
2	RC4	0	0	0	0	1	16	0 + 1	CHUYEN 1 PAX RC4-RP1	
3	RP1	1	89	1	6	2	25	1		
TOTAL		22	1.547	22	116	9	135	21		
WEIGHT KG			1.547		116		135			

GRAND TOAL: 1.798 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ANH

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
PHẠM THÁI SƠN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: CAM-3	TO: P2 - P5 - P4	CREW: VTHẮNG - N.ANH - DTÙNG	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM25/4544	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN VŨ CA	P2	23	1	9			71	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
2	ĐỖ HỒNG HOAN	P2	20-21	2	12			66	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
3	DUƠNG LÊ LẬP	P2	22	1	10			58	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
4	TRẦN THANH TƯỜNG	P2	17	1	13	1	18	62	DUY LINH	Vietnamese
5	PHẠM XUÂN THÈ	P2	18-19	2	17			59	DUY LINH	Vietnamese
6	TRẦN TRUNG HIỆU	P2	15-16	2	12			67	DUY LINH	Vietnamese
7	BUI ĐÌNH ĐÍCH	P5	24	1	6			85	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG ĐỨC THUẬN	P5	28	1	14			77	KH-THAC	Vietnamese
9	TẠ TRUNG DŨNG *	P5	30	1	12			92	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THÈ HỒI	P5	25	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN MẠNH QUÊ	P5	27	1	10			79	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN VĂN LÊ *	P5	26	1	9			63	KH-THAC	Vietnamese
13	TRƯƠNG HỒNG HẢI	P5	29	1	13			84	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN QUỐC HƯƠNG	P5	22	1	12			93	DVL	Vietnamese
15	PHẠM VĂN TƯỜNG	P5	23	1	10			82	DVL	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN ANH	P4	40	1	3			65	KHI	Vietnamese
17	PHẠM HỮU THỌ	P4	39	1	8			63	KHI	Vietnamese
18	HOÀNG THAI DƯƠNG	P4						75	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN THỊNH	P4	37	1	6	1	10	75	KHI	Vietnamese
20	TRẦN VĂN NAM	P4	36	1	5			72	KHI	Vietnamese
21	LÊ CÔNG MINH	P4	38	1	8			110	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P2	6	383	9	73	1	18	5+2	CHUYEN 2 PAX P2-P4	
2	P5	9	718	9	92	0	0	3		
3	P4	6	460	5	30	1	10	6		
TOTAL		21	1.561	23	195	2	28	14		
WEIGHT KG			1.561		195		28			

GRAND TOAL: 1.784 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YẾN

CREW

NGÔ VĂN THẮNG
NGHIÊM VIỆT ANH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:15
B.CARD: XANH-3	TO: P11 - PPD	CREW: KHOAN - HTRUNG - QTRƯỜNG	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM25/4547	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	GUSEINOV MAXIM	P11	02	1	5			84	KHOAN	Russian
2	NGUYEN VAN XUAN	P11	12	1	4			62	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN TRỌNG THUY	P11						68	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN QUANG HAO	P11	15	1	5			86	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN ĐAM	P11	11	1	6			87	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN VĂN CHUNG	P11	09-10	2	10			66	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN VĂN LÊN	P11	08	1	4			61	KHOAN	Vietnamese
8	THẠCH QUỐC DO	P11	20	1	11			85	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN HỒNG NGỰ	P11	16-17	2	10			65	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM VĂN SƠN	P11	06	1	9			55	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VIỆT MINH	P11	07	1	6			67	KHOAN	Vietnamese
12	NGÔ HỒNG GIANG	P11	03-04	2	12			65	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN ĐỨC ON	P11	13	1	6			54	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN VĂN THỌ	P11	18	1	4			80	KHOAN	Vietnamese
15	LÔ TRƯỜNG GIANG	P11	14	1	4			83	PSV	Vietnamese
16	ĐOÀN THANH TRƯỜNG	P11	05	1	5			46	PSV	Vietnamese
17	TẠ HỒNG GIANG	P11	19	1	5			65	PSV	Vietnamese
18	DEMİN İURY	P11	01	1	8			96	KHOAN	Russian
19	NGUYEN TRƯỜNG SƠN	PPD	82-83	2	12			62	KHI	Vietnamese
20	LÊ HUY VINH	PPD	85	1	5			62	KHI	Vietnamese
21	ĐÀO ANH TUẤN	PPD	84	1	4	1	18	65	KHI	Vietnamese
22	VŨ VĂN CHIÊN	PPD	81	1	5	1	25	74	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P11	18	1.275	20	114	0	0	14		
2	PPD	4	263	5	26	2	43	8		
TOTAL		22	1.538	25	140	2	43	22		
WEIGHT KG			1.538		140		43			

GRAND TOAL: 1.721 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
 NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG